

42
ĐỀ THI LÝ THUYẾT NGOẠI Y3 (LẦN 1)
(NH 2010-2011) NGÀY 08/05/2011 (50 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì và mực đỏ

- ✓ 1. Triệu chứng X-quang của tắc ruột non. CHON CÂU SAI
- a. Có chân rộng ✓
 - ☒ b. Nếp niêm mạc chiếm một phần của lòng ruột (một giờ)
 - c. Mực nước hơi nằm giữa bụng ✓
 - ☒ d. Mực nước hơi chênh nhau trên cùng một quai ruột ✓
 - e. Nếp niêm mạc thường nằm sát nhau ✓
2. Các điều kiện khi khám vú. CHON CÂU SAI:
- a. Phải kết hợp khám tổng quát ✓
 - ☒ b. Phải bộc lộ vú cần khám ✓
 - c. Phải khám hết tất cả các vùng của vú bệnh nhân ✓
 - d. Đầy đủ ánh sáng ✓
 - e. Phải chú ý khám hạch nhất là hạch nách ✓
- ✓ 3. Triệu chứng của thoát vị bẹn – đùi. CHON CÂU SAI
- a. Thoát vị nghẹt là khối thoát vị bị chèn ép ở cổ túi và thiếu máu nuôi tạng thoát vị ✓
 - ☒ b. Thoát vị bẹn trực tiếp làm nghiệm pháp chạm ngón sẽ chạm đầu ngón (lòng ngón) ✓
 - c. Thoát vị gián tiếp làm nghiệm pháp chặn lỗ bẹn sâu khối phồng sẽ không xuất hiện ✓
 - ☒ d. Khối thoát vị đùi nằm dưới nếp bẹn ✓
 - e. Thoát vị kẹt là khối thoát vị không đẩy xẹp được và không đau ✓
4. Triệu chứng thường gặp nhất trong ung thư thực quản là
- a. Đau ✓
 - b. Khàn tiếng ✓
 - c. Sụt cân ✓
 - d. Nôn ọc ✓
 - ☒ e. Nuốt nghẹn ✓
5. Triệu chứng tắc ruột cơ học. CHON CÂU SAI
- ☒ a. Nôn ói rất phổ biến, tắc ruột càng thấp nôn càng nhiều (cao) ✓
 - b. Đau bụng quặn từng cơn, về sau khoảng cách các cơn đau ngắn lại và thời gian của cơn đau dài ra ✓
 - c. Bí trung và đại tiện là triệu chứng quyết định trong chẩn đoán ✓
 - d. Dấu hiệu rắn bò là triệu chứng thực thể quan trọng nhất ✓
 - e. Bụng chướng là triệu chứng bao giờ cũng có ✓
6. Chẩn đoán xác định ung thư thực quản dựa vào cận lâm sàng nào là tốt nhất
- a. Chụp cắt lớp vi tính ✓
 - b. X-quang ngực thẳng ✓
 - ☒ c. Nội soi thực quản ✓
 - d. Cộng hưởng từ ✓
 - ☒ e. Chụp thực quản cản quang ✓
7. Chẩn đoán viêm túi mật thường dựa vào xét nghiệm nào
- ☒ a. Siêu âm bụng ✓

ĐỀ THI LÝ THUYẾT NGOẠI Y3 (LẦN 1)
(NH 2010-2011) NGÀY 08/05/2011 (50 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì và mực đỏ

- b. Công thức máu
c. Chụp cắt lớp vi tính
d. Amylase
e. Chụp bụng đứng
8. Theo định nghĩa Hẹp môn vị là hẹp ở
a. Từ hang vị đến môn vị
b. Tại môn vị
c. Từ hang vị đến hành tá tràng
☒ d. Từ hang vị đến tá tràng phía trên bóng Vater
e. Từ hang vị đến gối trên của tá tràng
- ✓ 9. Trong thủng ổ loét dạ dày – tá tràng, tỉ lệ thấy hơi tự do trên X-quang bụng đứng là
a. 50 – 60%
b. 90 – 100%
c. 70 – 80%
d. 60 – 70%
☒ e. 80 – 90%
- ✓ 10. Khám tri giác trong chấn thương sọ não, CHON CÂU SAI:
a. Sử dụng thang điểm Glasgow
b. Điểm Glasgow dưới 8 điểm thường là tiên lượng xấu
c. Gồm có 3 thành phần: sự mở mắt, vận động và lời nói
☒ d. Không dùng thang điểm Glasgow cho người trên 60 tuổi
e. Có thể sử dụng để đánh giá nhiều lần khi theo dõi bệnh nhân
11. Cận lâm sàng tốt nhất để chẩn đoán xác định ung thư dạ dày là
a. X-quang dạ dày cân quang
b. CEA
c. Chụp cắt lớp vi tính
☒ d. Nội soi dạ dày
e. Siêu âm bụng
- ✓ 12. Cận lâm sàng nào có giá trị nhất trong chẩn đoán ung thư ruột
a. Chụp động mạch
b. Siêu âm
☒ c. Chụp cắt lớp vi tính
d. Chụp đường mật
☒ e. CA 19-9
- ✓ 13. Các thành ống bẹn gồm có. CHON CÂU SAI
a. Thành trên là bờ dưới cơ chéo trong và cân cơ ngang bụng
b. Thành sau là mạc ngang và một ít cân cơ ngang bụng
☒ c. Thành trong là bờ ngoài của cơ thẳng bụng
d. Thành dưới là dây chằng bẹn và dải chậu mu
☒ e. Thành trước là phần dưới cơ chéo ngoài
- ✓ 14. Nguyên nhân và yếu tố thuận lợi gây thủng ổ loét dạ dày. CHON CÂU SAI

ĐỀ THI LÝ THUYẾT NGOẠI Y3 (LẦN 1)
(NH 2010-2011) NGÀY 03/05/2011 (50 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì và mực đỏ

- a. Ô loét dạ dày không được điều trị tốt ✓
 - b. Nhiễm *Helicobacter pylori* ✓
 - c. Thuốc giảm đau họ paracetamol ✓
 - ~~d.~~ Thuốc kháng viêm Aspirin ✓
 - e. Rượu và thuốc lá ✓
- ✓ 15. Ung thư đại tràng là bệnh thường gặp tại Việt Nam, yếu tố nguy cơ gây ra bệnh này là. CHON CÂU SAI
- a. Ăn nhiều mỡ, ít chất sợi từ thực vật ✓
 - b. Bệnh viêm loét đại trực tràng xuất huyết ✓
 - ~~X c.~~ Polyp có đường kính trên 1cm dễ bị ung thư ✓ (2cm)
 - ~~(d)~~ Polyp tuyến nhánh tỉ lệ hóa ác cao hơn tuyến ống ✓
 - e. Đa polyp dễ bị ung thư ✓
16. Sỏi đường mật ở Việt Nam là sỏi sắc tố, sỏi có thể nằm ở ống mật chủ hoặc ở ống gan. Yếu tố thuận lợi là. CHON CÂU SAI
- a. Đời sống kinh tế thấp ✓
 - b. Vệ sinh kém ✓
 - c. Đã có tiền sử mổ sỏi đường mật ✓
 - d. Tuổi thường gặp từ 40 – 60 ✓
 - ~~(e)~~ Nam giới gặp nhiều gấp đôi so với nữ giới
17. Khi nghi ngờ bệnh nhân bị viêm ruột thừa, ta cần làm xét nghiệm gì để chẩn đoán bệnh
- ~~X a.~~ Công thức máu ✓
 - b. Chụp điện toán cắt lớp ổ bụng ✓
 - c. X-quang ngực thẳng ✓
 - d. Tổng phân tích nước tiểu ✓
 - ~~(e)~~ X-quang bụng đứng ✓
- ✓ 18. Viêm túi mật do sỏi. CHON CÂU SAI
- ~~X a.~~ Nông dân thường bị hơn dân thành thị ✓
 - b. Dùng thuốc tránh thai là yếu tố nguy cơ ✓
 - c. Bệnh nhân bị cắt nhiều hồi tràng dễ bị hơn người bình thường ✓
 - ~~(d)~~ Tập trung ở lứa tuổi 30 – 70 ✓
 - e. Thường gặp ở nữ nhiều hơn nam ✓
19. Yếu tố thuận lợi của ung thư dạ dày là. CHON CÂU SAI
- ~~(a)~~ Tình trạng thừa toan của dạ dày vô toan ✓
 - b. Loét dạ dày ✓
 - c. Viêm dạ dày mạn tính ✓
 - d. Nhiễm *Helicobacter pylori* ✓
 - e. Thiếu máu ác tính ✓
20. Các nguyên nhân gây viêm ruột thừa bao gồm. CHON CÂU SAI
- a. U thành ruột thừa ✓
 - b. Ứ đọng sỏi phân ✓
 - c. Phì đại các nang bạch huyết ✓
 - d. Vật lạ như hạt chanh ✓

ĐỀ THI LÝ THUYẾT NGOẠI Y3 (LẦN 1)
(NH 2010-2011) NGÀY 03/05/2011 (50 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì và mực đỏ

- ☒ c. Viêm manh tràng
21. Triệu chứng lâm sàng của ung thư tế bào gan. CHON CÂU SAI
- ☒ a. Vàng da sớm hay gặp do u gây tắc nghẽn đường mật
 - b. Chán ăn, mệt mỏi, sụt cân
 - ☒ c. Bụng báng gấp khoảng 20-50% lúc chẩn đoán
 - d. 60% có cảm giác tức nặng vùng dưới sườn phải
 - e. Có thể sờ thấy gan to
22. Ung thư đại tràng thường di căn ở
- a. Buồng trứng
 - b. Não
 - ☒ c. Gan
 - d. Xương
 - ☒ e. Phổi
23. Theo vị trí, ung thư dạ dày thường gặp ở
- a. Phình vị
 - b. Thân vị
 - c. Tâm vị
 - d. Môn vị
 - ☒ e. Hang vị
24. Giải thích cơ chế hình thành sỏi túi mật, Tam giác Small có ba thành phần là
- ☒ a. Lecithin, muối mật và cholesterol
 - b. Bilirubin, lecithin và cholesterol
 - c. Cholesterol, lecithin và điện giải
 - d. Lecithin, bilirubin và muối mật
 - e. Bilirubin, muối mật và cholesterol
25. Cận lâm sàng để chẩn đoán xác định ung thư đại tràng là
- a. Chụp cắt lớp vi tính
 - b. Siêu âm bụng
 - c. Chụp đại tràng đối quang kép
 - ☒ d. Nội soi đại tràng
 - e. Chụp đại tràng với baryt
26. Các dấu hiệu trong thăm khám bệnh nhân viêm ruột thừa. CHON CÂU SAI
- a. Đề kháng thành bụng: ấn nông ở hố chậu phải, thấy cơ bụng mềm, ấn sâu hơn, thấy cơ bụng co lại và bệnh nhân đau
 - b. Phản ứng dội: ấn nhẹ và sâu vào vùng hố chậu phải, bệnh nhân đau nhẹ, thả tay đột ngột bệnh nhân đau nhiều hơn
 - ☒ c. Dấu cơ bít: bệnh nhân ở tư thế nằm đùi gấp, gối gấp, xoay đùi ra ngoài, bệnh nhân thấy đau hơn ở vùng dưới rốn
 - d. Dấu cơ thất lưng chậu: bệnh nhân nằm ngửa, đùi phải co, ta dùng tay ấn duỗi đùi ra thì bệnh nhân đau hơn

ĐỀ THI LÝ THUYẾT NGOẠI Y3 (LẦN 1)
(NH 2010-2011) NGÀY 08/05/2011 (50 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì và mực đỏ

- e. Dấu Rovsing: ấn sâu hố chậu trái, bệnh nhân thấy đau ở hố chậu phải
- ✓ 27. Các xét nghiệm thường làm trong viêm túi mật do sỏi. CHON CÂU SAI

- a. Bilirubin, men gan
b. Amylase
c. Siêu âm bụng
d. Chụp cắt lớp vi tính
e. Công thức máu

28. Điểm Clado trong chẩn đoán viêm ruột thừa là
- X a. Điểm gặp nhau của bờ ngoài cơ thẳng bụng bên phải và đường nối hai gai chậu trước trên
b. Điểm nối 2/3 ngoài và 1/3 trong của đường nối rốn và gai chậu trước trên bên phải
c. Điểm nối 1/3 ngoài và 2/3 trong của đường nối rốn và gai chậu trước trên bên phải
d. Điểm nối 1/3 phải và 2/3 trái của đường nối hai gai chậu trước trên
e. Điểm giữa của đường nối rốn và gai chậu trước trên bên phải

29. Trong chẩn đoán hẹp môn vị, người ta hút dịch dạ dày vào buổi sáng khi mới ngủ dậy. Dịch dạ dày phải trên

- a. 150ml
b. 200ml
c. 100ml
d. 50ml
e. 30ml

- ✓ 30. Các loại thoát vị bẹn – đùi. CHON CÂU SAI

- a. Thoát vị bẹn gián tiếp nằm bên trong động mạch thượng vị dưới ngoài
b. Thoát vị bẹn trực tiếp là thoát vị ở tam giác Hesselbach
c. Khối thoát vị bẹn gián tiếp thường đi xuống bẹn
d. Thoát vị đùi nằm bên dưới dây chằng bẹn
e. Khối thoát vị đùi không xuống bẹn

ĐM thượng vị dưới, bao cơ thẳng bụng, dây chằng bẹn/ Tam giác thuộc hố bẹn trung gian, nơi thành bụng yếu, dễ thoát vị trực tiếp

31. Xét nghiệm nào có giá trị trong chẩn đoán và theo dõi ung thư tế bào gan. CHON CÂU SAI

- a. CEA
b. Chụp động mạch gan
c. AFP
d. Chụp cắt lớp vi tính
e. Siêu âm

32. Xét nghiệm để chẩn đoán xác định thủng ổ loét dạ dày thường được sử dụng là

- a. Chụp bụng đứng không sửa soạn
b. Công thức máu

ĐỀ THI LÝ THUYẾT NGOẠI Y3 (LẦN I)
(NH 2010-2011) NGÀY 08/03/2011 (50 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì và mực đỏ

- c. Chụp cắt lớp vi tính
d. Chụp ngực thẳng
e. Định lượng Ure và Creatinine
33. Triệu chứng lâm sàng làm ta nghĩ đến ung thư đại tràng là
a. Đau bụng
b. ☒ Tiêu máu
c. Tiêu chảy
d. Táo bón
e. Chán ăn
- ✓ 34. Bệnh nhân nam, 22 tuổi, bị té xe máy. Vào viện được chẩn đoán vỡ lách. Chụp cắt lớp vi tính ổ bụng: thấy tụ máu trong nhu mô lách 6cm. Chẩn đoán độ vỡ lách của bệnh nhân này theo Moore
a. ☒ 3 Khối máu tụ >5cm
b. 2
c. 4 Tổn thương mạch máu
d. 5
e. 1
- ✓ 35. Bệnh nhân nam, 30 tuổi, vào viện vì đau bụng dưới sườn phải 3 ngày, sốt 39°C. Khám: Mạch 90lần/phút, Huyết áp 120/70mmHg, Vàng mắt. Ấn đau dưới sườn phải vừa, không đề kháng, thượng vị và dưới sườn trái đau ít. Cần cho bệnh nhân này làm các xét nghiệm nào. NGOẠI TRỪ
a. ☒ X-quang bụng
b. Bilirubin, men gan
c. Công thức máu
d. Siêu âm bụng
e. Amylase
36. Triệu chứng lâm sàng thường gặp trong ung thư tụy là
a. Vàng da, sụt cân, chán ăn
b. Đau thượng vị, sụt cân, nôn ói
c. Vàng da, đau thượng vị, ngứa
d. Đau thượng vị, sụt cân, yếu cơ
e. ☒ Vàng da, đau thượng vị, sụt cân (theo thứ tự thường gặp tăng dần)
- ✓ 37. Triệu chứng thủng ổ loét dạ dày. CHON CÂU SAI
a. Đau bụng dữ dội và đột ngột
b. ☒ Nôn
c. Bụng co cứng
d. Mất vùng đục trước gan
e. Tiêu lỏng
38. Bệnh nhân sỏi đường mật bị biến chứng viêm đường mật, sau đó rơi vào tình trạng nhiễm trùng huyết – sốc nhiễm trùng, ngoài tam chứng Charcot, bệnh nhân còn có biểu hiện điển hình là
a. Tụt huyết áp và báng bụng
b. Tụt huyết áp và xuất huyết tiêu hóa

4B
ĐỀ THI LÝ THUYẾT NGOẠI Y3 (LẦN 1)
(NH 2010-2011) NGÀY 03/05/2011 (50 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì và mực đỏ

- c. Tụt huyết áp và bụng đề kháng
☒ d. Tụt huyết áp và rối loạn tri giác
e. Tụt huyết áp và da nổi bông
39. Triệu chứng cơ năng thường gặp trong viêm ruột thừa
a. Sốt
b. Buồn nôn
c. Chán ăn
d. Tiêu lỏng
☒ e. Đau bụng
- ✓ 40. Các nguyên nhân sau đây gây tắc ruột do nghẽn. NGOẠI TRỪ
a. U bã thức ăn
b. Ung thư trực tràng
☒ c. Máu tụ mạc treo ruột
d. Dính ruột
e. Lao hồi manh tràng
41. Triệu chứng sớm của ung thư dạ dày là
a. Đau thượng vị âm ỉ, về đêm
b. Phù chân
c. Da xanh do thiếu máu
☒ d. Ăn không ngon, chán ăn, chậm tiêu
e. Sờ được khối u ở thượng vị, di động, không đau
42. Biến chứng của sỏi đường mật. NGOẠI TRỪ
☒ a. Viêm gan cấp
b. Nhiễm trùng huyết – sốc nhiễm trùng
c. Suy thận cấp – hội chứng gan – thận
d. Viêm mù đường mật
e. Viêm túi mật cấp
43. Phân độ vỡ tụy theo Moore có mấy độ
☒ a. 5
b. 4
c. 2
d. 6
e. 3
44. Ung thư tụy thường nằm trong bệnh cảnh ung thư quanh bóng Vater.
Ung thư quanh bóng Vater có xuất độ theo thứ tự (giảm dần) như thế nào
a. Ống mật chủ, tá tràng, đầu tụy và bóng Vater
b. Đầu tụy, ống mật chủ, bóng Vater và tá tràng
☒ c. Đầu tụy, bóng Vater, ống mật chủ và tá tràng
d. Tá tràng, bóng Vater, ống mật chủ và đầu tụy
e. Bóng Vater, đầu tụy, ống mật chủ và tá tràng
45. Xếp giai đoạn của ung thư dạ dày theo TNM. CHỌN CÂU SAI
a. Giai đoạn 4: đã di căn xa
☒ b. Giai đoạn 2: ung thư đã xâm lấn các tạng lân cận

**ĐỀ THI LÝ THUYẾT NGOẠI Y3 (LẦN 1)
(NH 2010-2011) NGÀY 03/05/2011 (30 PHÚT)**

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì và mực đỏ

- a. Glai đoạn 1: ung thư còn khu trú ở thành dạ dày
d. Glai đoạn 0: ung thư khu trú ở lớp biểu mô của niêm mạc dạ dày
e. Glai đoạn 3: ung thư đã ra khỏi dạ dày, lan tới các hạch chằng N₂
- ✓ 46. Ung thư gan nguyên phát phần lớn bắt nguồn từ tế bào gan (phần còn lại từ tế bào ống mật), có rất nhiều yếu tố nguy cơ. CHỌN CÂU SAI
a. Kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HbsAg) chiếm tỉ lệ cao trong ung thư gan – 81% ✓
X b. Kháng thể chống viêm gan C chiếm tỉ lệ thấp hơn 50% trong ung thư gan
c. Dioxin có thể gây ung thư gan ✓
d. Aflatoxin B1 có thể gây ung thư gan ✓
e. Nói chung, hơn 60% ung thư gan trên nền xơ gan ✓
47. Bệnh nhân nam, 28 tuổi, bị chấn thương bụng. Thăm khám thấy có hội chứng viêm phúc mạc. Tạng có khả năng bị vỡ nhiều nhất là
a. Gan
b. Đại tràng ✓
c. Dạ dày
d. Tá tràng
e. Ruột non
48. Sỏi đường mật ở Việt Nam liên quan đến tình trạng nhiễm kí sinh trùng đường ruột. Bệnh nhân thường đến bệnh viện với ba triệu chứng thường gặp, thứ tự xuất hiện ba triệu chứng này gọi là tam chứng Charcot. Hãy chọn triệu chứng và trình tự xuất hiện (trước – sau) cho đúng
a. Vàng da, sốt và đau dưới sườn phải ✓
b. Sốt, vàng da và đau dưới sườn phải ✓
c. Vàng da, đau dưới sườn phải và sốt ✓
d. Sốt, đau dưới sườn phải và vàng da
e. Đau dưới sườn phải, sốt và vàng da ✓
49. Ung thư gan di căn theo đường máu tới cơ quan nào nhiều nhất
a. Lách
b. Não
c. Thận
d. Tim
e. Phổi ✓
50. Bệnh nhân nam, 25 tuổi, bị chấn thương bụng. Thăm khám thấy có hội chứng xuất huyết trong ổ bụng. Tạng có khả năng bị vỡ nhiều nhất là
a. Tụy
b. Gan
c. Lách ✓
d. Ruột
e. Thận
51. Chẩn đoán phân biệt thủng dạ dày với các bệnh sau đây. NGOẠI TRỪ
a. Viêm tụy ✓

ĐỀ THI LÝ THUYẾT NGOẠI Y3 (LẦN I)
(NH 2010-2011) NGÀY 08/05/2011 (50 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì và mực đỏ

- ☒ b. Thủng ruột non
☐ c. Viêm phúc mạc do viêm túi mật
☒ d. Viêm dạ dày
☐ e. Viêm phúc mạc ruột thừa
52. Máu tụ ngoài màng cứng:
☐ a. Bệnh nhân thường hôn mê ngay sau chấn thương
☐ b. Hiếm gặp ở tuổi nhũ nhi
☐ c. Ít khi bệnh nhân có dấu hiệu nhức đầu
☒ d. Nguồn chảy máu thường từ: động mạch màng não và tĩnh mạch dưới da đầu
☐ e. X – quang sọ hiếm khi thấy nứt hộp sọ
- ✓ 53. Bệnh nhân nam, 30 tuổi, bị té xe máy. Vào viện được chẩn đoán vỡ gan hạ phân thùy II và III. Chẩn đoán độ vỡ gan của bệnh nhân này theo Moore
☒ a. 4 Tổn thương 1-3 thùy gan
☐ b. 2
☐ c. 3
☐ d. 5
☐ e. 6
54. Ung thư tụy thường xuất phát từ tế bào ống tuyến tụy, có nhiều yếu tố nguy cơ gây ung thư tụy. **CHON CÂU SAI**
☐ a. Bệnh nhân tiểu đường dễ bị hơn người không tiểu đường 2 lần
☐ b. Người hút thuốc lá dễ bị hơn người không hút
☒ c. Thường gặp ở nữ nhiều hơn nam
☐ d. Thường gặp ở bệnh nhân trên 60 tuổi
☐ e. Người da đen dễ bị hơn người da trắng
55. Ung thư thực quản khởi phát từ tế bào lát tầng trên niêm mạc thực quản, có rất nhiều yếu tố nguy cơ. **CHON CÂU SAI**
☒ a. Hội chứng Plummer-Vinson: thường có ở nam giới, tỉ lệ hóa ác 40%
☐ b. Bỏng thực quản do hóa chất
☐ c. Thực quản Barrett
☒ d. Cỏ tiền sử xạ trị vùng ngực
☐ e. Nghiện rượu, thuốc lá
56. Theo thể điển hình, viêm túi mật cấp do sỏi diễn tiến theo mấy giai đoạn
☐ a. 3
☒ b. 4
☐ c. 6
☐ d. 5
☐ e. 2
57. Các nguyên nhân sau đây gây tắc ruột do thắt. **NGOẠI TRỪ**
☐ a. Xoắn ruột
☒ b. Viêm ruột
☐ c. Thoát vị

ĐỀ THI LÝ THUYẾT NGOẠI Y3 (LẦN 1)
(NH 2010-2011) NGÀY 03/05/2011 (50 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì và mực đỏ

- d. Dây chằng
e. Lòng ruột
58. Chẩn đoán thoát vị bẹn-dùi thường dựa vào
☒ a. Khám lâm sàng
 b. Chụp cản quang phúc mạc
 c. Chụp cộng hưởng từ
 d. Siêu âm bụng
 e. Chụp cắt lớp vi tính
- ✓ 59. Theo TMN, ung thư đại tràng giai đoạn 2 là
 a. T_4, N_0, M_0
 b. T_4, N_1, M_0
☒ c. T_2, N_0, M_0
 d. T_2, N_1, M_0
 e. T_3, N_1, M_0
60. Nguyên nhân gây hẹp môn vị thường gặp nhất là
 ✗ a. Loét tá tràng
 b. Loét dạ dày
 c. Dính tá tràng do viêm túi mật
☒ d. Ung thư dạ dày
 e. Phì đại môn vị